



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý Nhà máy nước Tả Lùng. Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu -TP 01
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

Số/No: W2509-031 (25.1391)

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCH
				W2509-031	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,34	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	KPH (LOD=0,03)	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	18	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,6	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-031	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	74	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH
SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước Tả Lềng, Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu - TP 02
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

Số/No: W2509-032 (25.1391)

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCQP 01:2023/LCH
				W2509-032	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	18	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,7	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-032	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	76	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-033 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước Tả Lềng, Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu - TP 03
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-033	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ .
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,6	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	16	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,8	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-033	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	76	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hệ thống cấp nước Tả Lềng, Đc: phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu - TP 04
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

Số/No: W2509-034 (25.1391)

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP
				W2509-034	01:2023/Ch Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,28	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	18	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,6	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-034	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	76	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

Số/No: W2509-035 (25.1391)
: Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt đầu nguồn Nùng Nàng. Đc: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu - TP 05
: Nước sạch
: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
: 06/09/2025
: Lê Thị Thúy
: 06/09/2025 – 18/09/2025
:



TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-035	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Arsenic (As)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
5	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
6	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
8	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2
9	Chỉ số peccmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
13	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
14	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
15	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
16	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	123	300
17	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
18	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
19	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,9	2,0
20	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-035	Ngưỡng giới hạn cho phép
				(LOD=0,003)	
21	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
22	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ^(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
23	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	237	1000
24	Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
25	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
26	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
27	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
28	Bromoform (CHBr ₃) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
29	Chloroform (CHCl ₃) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
30	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Số/No: W2509-036 (25.1391)
- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý và hệ thống cấp nước sinh hoạt Quyết Thắng. Đc: Phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu - TP 06
 - Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
 - Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
 - Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
 - Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
 - Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
 - Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
 - Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
 - Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-036	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Arsenic (As) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
5	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
6	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5
8	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2
9	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
11	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
13	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
14	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
15	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
16	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	31	300
17	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
18	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
19	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,4	2,0
20	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH	0,05

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-036	Ngưỡng giới hạn cho phép
				(LOD=0,003)	
21	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
22	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
23	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	79	1000
24	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
25	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₃) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
26	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
27	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
28	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
29	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
30	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-037 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm xử lý nước Bình Lư. Đc: đường Tác Tĩnh, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu - TĐ 07
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-037	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,39	0,2 ÷ 1'
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,64	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,7	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-037	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	72	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÁU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-038 (25.1391)

- Tên mẫu/ *Name of sample*: Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm xử lý nước Bình Lư. Đc: đường Tác Tĩnh, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu - TĐ 08
- Loại mẫu/ *Sample type*: Nước sạch
- Tên khách hàng/ *Name of customer*: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ *Address of customer*: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ *Description*: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ *Date of receiving*: 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ *Sample taking*: Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ *Testing time*: 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ *Test results*:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-038	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,38	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2
8	Chỉ số pemanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,7	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-038	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	64	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi chuyên phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-039 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm xử lý nước Bình Lư. Đc: đường Tác Tĩnh, xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu - TĐ 09
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCH
				W2509-039	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,7	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-039	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	<50	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-040 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Sìn Hồ. Đc: khu 4, xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 10
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCH
				W2509-040	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,41	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,4	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-040	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	<50	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH
SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTTM&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-041 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Sìn Hồ. Đc: khu 4, xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 11
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-041	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,34	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,2	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,1	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-041	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	67	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÁU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi chuyên gia.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-042 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Sìn Hồ. Đc: khu 4, xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu - SH 12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tịnh trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LC
				W2509-042	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,1	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,4	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	<0,1	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-042	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	67	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thủ phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

Số/No: W2509-043 (25.1391)
: Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Pa So. Đc:tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 13
: Nước sạch
: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
: 06/09/2025
: Lê Thị Thúy
: 06/09/2025 – 18/09/2025
:



TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-043	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,46	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2,0	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,62	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mùi xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	187	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-043	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	258	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

Số/No: W2509-044 (25.1391)
: Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Pa So. Đc:tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 14
: Nước sạch
: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
: 06/09/2025
: Lê Thị Thúy
: 06/09/2025 – 18/09/2025
:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	01:2023/LCh Ngưỡng giới hạn cho phép
				W2509-044	
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,42	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,9	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	2	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,92	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	185	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,6	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,1	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-044	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	270	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

Số/No: W2509-045 (25.1391)
: Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Pa So. Đc:tổ dân phố Pa So, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 15
: Nước sạch
: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
: 06/09/2025
: Lê Thị Thúy
: 06/09/2025 – 18/09/2025
:



TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-045	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,37	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,7	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	142	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1,3	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-045	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	211	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-046 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó. Đc: thôn Thống Nhất, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 16
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCH
				W2509-046	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0,35	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	KPH (LOD=0,03)	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	33	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,4	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-046	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	86	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₃) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH
SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-047 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó. Đc: thôn Thống Nhất, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 17
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-047	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,33	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,62	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	33	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-047	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ^(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	105	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-048 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu vòi sử dụng 02 -Trạm cấp nước sinh hoạt Vàng Bó. Đc: thôn Thống Nhất, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 18
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:



TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-048	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,29	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,62	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	33	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,4	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCDP 01:2023/LCh
				W2509-048	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	95	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCDP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH
SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-049 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Nhà máy nước Ma Lù Thành. Đc: bản Pa Nậm Cúm, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 19
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	OCĐP 01:2023/166 h
				W2509-049	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,51	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	111	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,3	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-049	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	132	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-050 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Nhà máy nước Ma Lù Thăng. Đc: bản Pa Nậm Cúm, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 20
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LC
				W2509-050	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,33	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,5	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,62	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	113	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-050	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ^(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	173	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-051 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Nhà máy nước Ma Lù Thàng. Đc: bản Pa Nậm Cúm, xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu - PT 21
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-051	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,31	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	8,1	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,8	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	111	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-051	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	173	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi chuyên phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-052 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than. Đc: bản
Én Luông, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 22
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2
bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml
ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-052	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	<5	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl- G:2023	mg/L	0,51	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,1	2
8	Chỉ số pemanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,62	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,5	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-052	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	58	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-053 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than.
Đc: bản Lũn, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 23
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCH
				W2509-053	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,1	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,24	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8,3	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,6	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,5	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-053	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	<50	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-054 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Mường Than.
Đc: bản Lũn, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 24
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCH
				W2509-054	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	5,2	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,23	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	1,6	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,5	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-054	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	<50	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thủ phạm.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-055 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu sau bể xử lý – Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà. Đc: bản Đán Đầm, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 25
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiết trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	01:2023/Ch Ngưỡng giới hạn cho phép
				W2509-055	
1	Coliform tổng số ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli ^(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc ^(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do ^(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,38	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục ^(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2
8	Chỉ số pecmanganat ^(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ ^(*)	TCVN 6224:1996	mg/L	6	300
16	Mangan (Mn) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al) ^(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-055	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	84	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thấu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-056 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 01 - Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà. Đc:bản Đán Đầm, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 26
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính tiệt trùng loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh Ngưỡng giới hạn cho phép
				W2509-056	
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,32	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,8	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,3	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2
18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,2	2,0
19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-056	Ngưỡng giới hạn cho phép
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	60	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol (**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine(C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl ₃)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2509-057 (25.1391)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu vòi sử dụng 02 - Trạm cấp nước sinh hoạt Hua Nà. Đc: bản Đán Đầm, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu - Th.U 27
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 9, Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 bình thủy tinh trung tính loại 500ml, 2 bình thủy tinh trung tính màu nâu loại 500ml và 2 chai PE loại 500ml ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 06/09/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Lê Thị Thúy
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 06/09/2025 – 18/09/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-057	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<3
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Màu sắc(*)	TCVN 6185:2015	TCU	KPH (LOD=1,5)	15
4	Clo dư tự do(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0,26	0,2 ÷ 1
5	Mùi, vị	HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023& SMEWW 2160:2023)	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,7	6 ÷ 8,5
7	Độ đục(*)	TCVN 12402-1:2020	NTU	0,2	2
8	Chỉ số pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,5	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
11	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1
12	Chì (Plumbum) (Pb)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
13	Chromi (Cr)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
14	Đồng (Cuprum) (Cu)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	1
15	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (*)	TCVN 6224:1996	mg/L	<5	300
16	Mangan (Mn)(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,1
17	Nhôm (Aluminium) (Al)(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCĐP 01:2023/LCh
				W2509-057	Ngưỡng giới hạn cho phép
18	Nitrat (NO_3^- tính theo N) ^(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,3	2,0
19	Nitrit (NO_2^- tính theo N) ^(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,003)	0,05
20	Sắt (Ferrum) (Fe) ^(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	0,3
21	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg) ^(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,001
22	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	SMEWW 2540 C:2023	mg/L	67	1000
23	Phenol và dẫn xuất của Phenol ^(**)	US EPA 8270E:2018	µg/L	<1,0	1
24	Atrazine ($\text{C}_8\text{H}_{14}\text{ClN}_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	100
25	Chlorpyrifos ($\text{C}_9\text{H}_{11}\text{Cl}_3\text{NO}_3\text{PS}$) ^(*)	HPL.HD.H.PP 45:2021	µg/L	KPH (LOD=0,2)	30
26	Bromodichloromethane (CHBrCl_2) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	60
27	Bromoform (CHBr_3) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100
28	Chloroform (CHCl_3) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	300
29	Dibromochloromethane (CHBr_2Cl) ^(*)	EPA 524.2:1995	µg/L	KPH (LOD=3)	100

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCĐP 01:2023/LCh: QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 09 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.